

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**
Số: 937 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đồng Nai, ngày 02 tháng 02 năm 2013

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT	
CÔNG TÁC	VIỆT NAM 2783
HÀNH CHÍNH	Số
VĂN PHÒNG	Ngày 02/02/2013
ĐƠN VỊ	05/13

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố sửa đổi, bổ sung Bộ thủ tục hành chính chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 361./TTr-VP ngày 27 tháng 3 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, trong đó: Ban hành mới và sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Đất đai; môi trường; tài nguyên nước; văn hóa; người có công; bảo trợ xã hội; lao động; việc làm; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng chống tệ nạn xã hội;

Các lĩnh vực Tôn giáo; thi đua khen thưởng; quản lý vốn đầu tư; tài chính hành chính sự nghiệp; thương mại; công nghiệp; giáo dục và đào tạo; chăn nuôi; lâm nghiệp; kiểm lâm; quản lý chất lượng; vệ sinh an toàn thực phẩm; thành lập và hoạt động hộ kinh doanh; thành lập và hoạt động hợp tác xã; hộ tịch; chứng thực; xây dựng; hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch xây dựng; tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo ban hành tại Quyết định số 3315/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh được giữ nguyên giá trị pháp lý.

Quyết định này thay thế các Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 14/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 17/01/2012, Quyết định số 486/QĐĐC-UBND ngày 17/02/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, TC, KSTTHC

CHỦ TỊCH

Đinh Quốc Thái
Đinh Quốc Thái



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2013
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Số TT	Tên thủ tục hành chính
I.	Lĩnh vực đất đai
1	Thủ tục thỏa thuận địa điểm đối với các dự án không nhằm mục đích sản xuất kinh doanh
2	Thủ tục giao đất nông nghiệp, cho thuê đất nông nghiệp đối với hộ gia đình và cá nhân (đất trồng cây hàng năm)
3	Thủ tục giao đất nông nghiệp, cho thuê đất nông nghiệp đối với hộ gia đình và cá nhân (đất trồng cây lâu năm)
4	Thủ tục giao đất làm nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân tại nông thôn không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất
5	Thủ tục chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất (đối tượng là hộ gia đình, cá nhân)
6	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép (đối tượng là hộ gia đình, cá nhân)
7	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép (cho hộ gia đình, cá nhân)
8	Thủ tục gia hạn sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất phi nông nghiệp, hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp được Nhà nước cho thuê đất nông nghiệp
9	Thủ tục giao đất ở đối với hộ gia đình cá nhân
10	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
11	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất

12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận quyền sử dụng đất thuộc trường hợp quy định tại Điểm k, Điểm l, Khoản 1, Điều 99 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ
13	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bị mất
14	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp thửa đất không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng không có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của người (chủ) khác
15	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
16	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng
17	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu rừng sản xuất, rừng trồng
18	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi tách thửa, hợp thửa đất theo nhu cầu của người sử dụng đất
19	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
20	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà có bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
21	Thủ tục đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất
22	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất
23	Thủ tục đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

24	Thủ tục xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
25	Thủ tục đăng ký nhận quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất do xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn, kê biên đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
26	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do đổi tên, giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên, thay đổi về hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, tầng cao, kết cấu chính, cấp (hạng) nhà, công trình; thay đổi thông tin về quyền sở hữu cây
27	Thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm (thế chấp, xóa thế chấp, thông báo xử lý tài sản thế chấp, thay đổi nội dung thế chấp)
28	Thủ tục đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
29	Thủ tục đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất
30	Thủ tục cung cấp thông tin địa chính
31	Thủ tục ghi nợ nghĩa vụ tài chính
32	Thủ tục xóa nợ nghĩa vụ tài chính
II. Lĩnh vực môi trường	
33	Thủ tục xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản
34	Thủ tục đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường
III. Lĩnh vực tài nguyên nước	
35	Thủ tục đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước
IV. Lĩnh vực văn hóa	
36	Thủ tục cấp giấy phép thực hiện quảng cáo
37	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke
V. Lĩnh vực người có công	

38	Thủ tục giải quyết chế độ đối với anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong kháng chiến
39	Thủ tục công nhận anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong kháng chiến
40	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh
41	Thủ tục giải quyết chế độ cho người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học
42	Thủ tục giải quyết chế độ cho người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày
43	Thủ tục giải quyết chế độ đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc
44	Thủ tục giải quyết chế độ đối với người có công giúp đỡ cách mạng
45	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày và người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc chết trước 01/01/1995
46	Thủ tục cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công
47	Thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người có công với cách mạng
48	Thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với cựu chiến binh
49	Thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với đối tượng hưởng theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg
50	Thủ tục giải quyết chế độ cho người điều dưỡng
51	Thủ tục giải quyết chế độ tiền tuất từ trần hàng tháng
52	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí và trợ cấp 01 lần
53	Thủ tục giải quyết chế độ cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình và phục hồi chức năng
54	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
55	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng

56	Thủ tục hỗ trợ thân nhân liệt sĩ đi thăm viếng mộ và di chuyển hài cốt liệt sĩ
57	Thủ tục giải quyết chế độ đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước
58	Thủ tục tiếp nhận và chuyển đối tượng thuộc diện chính sách
59	Thủ tục xác nhận hỗ trợ tiền sử dụng đất
60	Thủ tục giải quyết chính sách đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ tái giá
61	Thủ tục giải quyết hỗ trợ chế độ mai táng phí (trừ đối tượng trợ cấp cho người cao tuổi và người có công từ trần)
62	Thủ tục đề nghị phong tặng và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng
63	Thủ tục cấp sổ ưu đãi giáo dục cho học sinh, sinh viên thuộc đối tượng chính sách (từ năm 2005 - 2006 trở về sau)
64	Thủ tục cấp lại sổ ưu đãi giáo dục cho học sinh, sinh viên thuộc đối tượng chính sách
65	Thủ tục giải quyết chế độ cho đối tượng là bệnh binh
66	Thủ tục công nhận hồ sơ liệt sĩ và giải quyết chế độ cho thân nhân liệt sĩ
67	Thủ tục giải quyết chế độ đối với người hoạt động kháng chiến từ 01/01/1945 đến trước tổng khởi nghĩa 19/8/1945
68	Thủ tục chi trả chế độ đối với người hoạt động kháng chiến trước tổng khởi nghĩa 01/01/1945
VI.	Lĩnh vực bảo trợ xã hội
69	Thủ tục hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội
70	Thủ tục hỗ trợ thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở
71	Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội (BTXH) vào cơ sở BTXH
72	Thủ tục trợ cấp đột xuất cho đối tượng bảo trợ xã hội (BTXH)
73	Thủ tục trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội

74	Thủ tục trợ cấp thường xuyên cho người nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi
75	Thủ tục điều chỉnh mức trợ cấp, chấm dứt hưởng trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội
76	Thủ tục hồ sơ đối tượng được ở nhà xã hội
77	Thủ tục thẩm định hồ sơ giải thể cơ sở bảo trợ xã hội
78	Thủ tục thẩm định hồ sơ thành lập cơ sở bảo trợ xã hội
79	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi trong giáo dục và đào tạo
80	Thủ tục trợ cấp thường xuyên đối tượng người cao tuổi
81	Thủ tục trợ cấp cho người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi con dưới 16 tuổi (còn đi học áp dụng đến 18 tuổi)
82	Thủ tục trợ cấp thường xuyên đối với trẻ mồ côi
83	Thủ tục trợ cấp thường xuyên gia đình có 01 người tàn tật, tâm thần trở lên không có khả năng tự phục vụ
84	Thủ tục trợ cấp thường xuyên cho người khuyết tật, tâm thần
85	Thủ tục giải quyết chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do thiên tai, bệnh tật, bị thương nặng
86	Thủ tục trợ cấp thường xuyên cho người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo
87	Thủ tục hỗ trợ trẻ em bị tai nạn, thương tích
88	Thủ tục hỗ trợ trẻ em bị xâm hại tình dục
89	Thủ tục cấp lại sổ bảo trợ xã hội
90	Thủ tục trợ cấp khó khăn đột xuất cho các đối tượng lang thang xin ăn cơ nhỡ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn
91	Thủ tục cấp giấy giới thiệu di chuyển đối tượng bảo trợ xã hội
92	Thủ tục thẩm định đối tượng học nghề là con hộ nghèo, người khuyết tật
93	Thủ tục miễn giảm học phí cho đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội

94	Thủ tục đưa đối tượng tâm thần vào trung tâm điều dưỡng, phục hồi chức năng
VII. Lĩnh vực lao động	
95	Thủ tục khai trình việc sử dụng lao động tại các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ
VIII. Lĩnh vực việc làm	
96	Thủ tục học nghề
97	Thủ tục thành lập trung tâm dạy nghề
IX. Lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc trẻ em	
98	Thủ tục hỗ trợ mổ tim miễn phí cho trẻ em
99	Thủ tục hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn
100	Thủ tục hỗ trợ cho trẻ em bị xâm phạm, lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm
X. Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội	
101	Thủ tục đưa đối tượng nghiện ma túy không có nơi cư trú nhất định vào cơ sở cai nghiện, chữa bệnh bắt buộc